

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI- TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các hội thẩm nhân dân:

- 1- Ông Trần Hồng Tư
- 2- Ông Nguyễn Minh Chiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Lệ H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Châu Văn T, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B2, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị H và anh T xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Lệ H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện sống chung như vợ chồng và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, cuộc sống không hạnh phúc nên chị H và anh T

đã chấm dứt quan hệ chung sống với nhau và sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu Tòa án không công nhận giữa chị H và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh T có 02 con chung tên Châu Anh T1, sinh ngày 26/5/2005 và Châu Ngọc H1, sinh ngày 14/7/2011. Hiện cháu T1 và cháu H sống chung với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu H. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Châu Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống như vợ chồng và tình trạng mâu thuẫn. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

- Về con chung: Anh T thống nhất có 02 con chung tên Châu Anh T1, sinh ngày 26/5/2005 và Châu Ngọc H1, sinh ngày 14/7/2011. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống anh T và chị H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:*

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81 và Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Không công nhận quan hệ giữa chị H và anh T là vợ chồng; về con chung: Giao cháu Châu Anh T1, sinh ngày 26/5/2005 và Châu Ngọc H1, sinh ngày 14/7/2011 cho chị Trần Lệ H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở; về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Trần Lệ H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Châu Văn T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh T hiện đang cư trú tại xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003, là sự kiện có xảy ra trên thực tế. Tuy nhiên, quá trình sống chung như vợ chồng chị H và anh T không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”* và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*. Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, tuyên bố không công nhận chị H và anh T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị H và anh T thống nhất xác định quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung tên Châu Anh T1, sinh ngày 26/5/2005 và Châu Ngọc H1, sinh ngày 14/7/2011 (hiện cháu T1 và cháu H đang sống chung với chị H). Khi ly hôn chị H và anh T đều thống nhất giao cháu T1 và cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, sự thỏa thuận này của chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với ý chí nguyện vọng của cháu T1 và cháu H; không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu Châu Anh T1, sinh ngày 26/5/2005 và Châu Ngọc H1, sinh ngày 14/7/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T thống nhất xác định không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và

điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Trần Lệ H và anh Châu Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Châu Anh T1, sinh ngày 26/5/2005 và Châu Ngọc H1, sinh ngày 14/7/2011 cho chị Trần Lệ H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (hiện cháu T1 và cháu H đang sống cùng chị H).

Anh Châu Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Lệ H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Lệ H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008353 ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Duy Khanh